

NHỮNG NỘI DUNG MỚI CỦA BỘ LUẬT TỔ TỤNG HÌNH SỰ NĂM 2015 CỦA VIỆT NAM NHẪM THỰC HIỆN NGUYÊN TẮC TRANH TỤNG TRONG XÉT XỬ ĐƯỢC BẢO ĐẢM^[1]

TRẦN CÔNG PHÀN*

Tranh tụng là thành tựu của nền văn minh nhân loại, không chỉ thể hiện bản chất nhân đạo mà còn phản ánh xu hướng phát triển dân chủ và tiến bộ của tố tụng hình sự. Tranh tụng đã được thừa nhận trên phạm vi toàn cầu và được ghi nhận tại Điều 10 Tuyên ngôn thế giới về nhân quyền của Liên Hợp quốc ngày 10/12/1948 với nội dung: *“Mọi người đều có quyền hoàn toàn ngang nhau được phát biểu bình đẳng và công khai trước Tòa án độc lập và không thiên vị, nơi quyết định các quyền và nghĩa vụ của mình hoặc về việc buộc tội mình có cơ sở trước Tòa”*. Tại Việt Nam, yêu cầu cải cách tư pháp, hoàn thiện thủ tục tố tụng hình sự nói chung, tranh tụng trong xét xử nói riêng đã được đề ra trong nhiều Nghị quyết của Đảng về cải cách tư pháp. Trong đó, Nghị quyết số 08/NQ-TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về một số nhiệm vụ trọng tâm của công tác tư pháp trong thời gian tới đặt ra yêu cầu phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền và lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời

hạn pháp luật quy định; Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 nhấn mạnh việc đổi mới tổ chức phiên tòa xét xử theo hướng xác định rõ hơn vị trí, quyền hạn và trách nhiệm của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng theo hướng bảo đảm tính công khai, dân chủ, nghiêm minh; nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa xét xử, coi đây là khâu đột phá của hoạt động hoạt động tư pháp; đặc biệt khoản 5 Điều 103 Hiến pháp năm 2013 đã bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm. Với yêu cầu đó, Bộ luật tố tụng hình sự (BLTTHS) năm 2015 của Việt Nam đã bổ sung *“Nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”* vào hệ thống các nguyên tắc cơ bản của tố tụng hình sự (Điều 26). Đây là những tư tưởng, quan điểm có tính chỉ đạo xuyên suốt quá trình xây dựng, đổi mới các thủ tục tố tụng trong Bộ luật, từ giai đoạn khởi tố, điều tra, đến giai đoạn truy tố, xét xử nhưng được thể hiện đậm nét, cụ thể trong giai đoạn xét xử, bởi xét xử được coi là hoạt động trọng tâm của toàn bộ hoạt động tố tụng hình sự với các thủ tục xét xử công khai, bảo đảm cho những người tham gia tố tụng thực hiện đầy đủ các

* *Tiến sĩ, Phó Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao*

quyền và nghĩa vụ của mình, góp phần khắc phục tình trạng để xảy ra oan, sai, không bảo đảm quyền con người trong tố tụng hình sự.

Như vậy, Việt Nam với chủ trương đẩy mạnh tranh tụng, bổ sung *“nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”* nhưng không đồng nhất với việc từ bỏ mô hình tố tụng thẩm vấn để chuyển sang mô hình tố tụng hình sự tranh tụng mà tiếp tục duy trì và phát huy những ưu điểm vốn có của mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn, tiếp thu những hạt nhân hợp lý của mô hình tố tụng hình sự tranh tụng, phù hợp với điều kiện cụ thể của Việt Nam.

1. Bổ sung nguyên tắc “Tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”

BLTTHS năm 2003 của Việt Nam có nhiều nguyên tắc quan trọng, thể hiện rõ tư tưởng đề cao tranh tụng trong tố tụng hình sự, lấy kết quả tranh tụng tại phiên tòa làm căn cứ chủ yếu để Tòa án ra phán quyết. Cụ thể là nguyên tắc bảo đảm quyền bào chữa của người bị tạm giữ, bị can, bị cáo (Điều 11) quy định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo có quyền tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa. Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát, Tòa án có nhiệm vụ bảo đảm cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo thực hiện quyền bào chữa của họ theo quy định của Bộ luật này. Nguyên tắc bảo đảm quyền bình đẳng trước Tòa án (Điều 19) quy định Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người bị hại, nguyên đơn dân sự, bị đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người đại diện hợp pháp của họ, người bảo vệ

quyền lợi của đương sự đều có quyền bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, đưa ra yêu cầu và tranh luận dân chủ trước Tòa án. Tòa án có trách nhiệm tạo điều kiện cho họ thực hiện các quyền đó nhằm làm rõ sự thật khách quan của vụ án. Ngoài ra, Bộ luật còn có những sửa đổi, bổ sung các nguyên tắc khác nhằm bảo đảm tốt hơn cho các bên tranh tụng bình đẳng trong tố tụng hình sự như quy định rõ hơn về trách nhiệm chứng minh tội phạm của cơ quan tiến hành tố tụng... Tuy nhiên, BLTTHS năm 2003 chưa đưa vấn đề tranh tụng thành một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động xét xử, thể hiện quan điểm chỉ đạo, định hướng tư tưởng xuyên suốt quá trình xây dựng và áp dụng pháp luật của các chủ thể tham gia vào hoạt động tố tụng. Do đó, để nâng cao chất lượng tranh tụng dân chủ tại phiên tòa hình sự, đáp ứng yêu cầu cải cách tư pháp, phù hợp với quy định của Hiến pháp năm 2013 và làm cơ sở cho việc xây dựng các quy định cụ thể vấn đề tranh tụng tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 đưa vấn đề tranh tụng trong xét xử thành một nguyên tắc cơ bản trong hoạt động tố tụng, giữ vai trò chi phối và định hướng cho toàn bộ hoạt động và hành vi tố tụng của tất cả các chủ thể tham gia vào quá trình giải quyết các vụ án hình sự, phù hợp với chức năng tố tụng của các chủ thể. Nguyên tắc này khẳng định quyền bình đẳng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người khác có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người bị buộc tội (người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo), người

bào chữa và người tham gia tố tụng khác trong việc đưa ra chứng cứ, tài liệu, đồ vật, yêu cầu và tranh luận trước Tòa án; quy định rõ mọi chứng cứ, tình tiết của vụ án, xác định tội danh, quyết định hình phạt, mức bồi thường thiệt hại và việc xử lý vật chứng đều phải được trình bày, tranh luận, làm rõ tại phiên tòa. Bản án, quyết định của Tòa án được ban hành phải căn cứ vào kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ đã được kiểm tra, đánh giá tại phiên tòa. Bởi không có tranh tụng và không bảo đảm tranh tụng khách quan, bình đẳng thì việc giải quyết vụ án luôn có tính phiến diện, định kiến, một chiều và luôn tiềm ẩn những oan, sai mà điều đó trong hoạt động tố tụng hình sự luôn để lại những hậu quả nặng nề nhất vì nó động chạm đến quyền được sống, quyền tự do và sinh mệnh chính trị của con người, của công dân.

Trên cơ sở bổ sung nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, BLTTHS năm 2015 có nhiều nội dung sửa đổi, bổ sung để cụ thể hóa nguyên tắc này, bảo đảm nguyên tắc này được thực hiện trên thực tế.

2. Quy định đầy đủ các quyền và các cơ chế để đảm bảo các quyền của người bị buộc tội, nhất là quyền tự bào chữa, nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa

Để bảo đảm quyền bào chữa, chứng minh sự vô tội hoặc giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của người bị buộc tội, BLTTHS năm 2003 quy định rõ: Người bị tạm giữ được biết lý do mình bị tạm giữ, được trình bày lời khai, tự bào chữa hoặc nhờ người khác bào chữa, được đưa ra tài

liệu, đồ vật, yêu cầu (Điều 48). Ngoài các quyền giống như người bị tạm giữ, bị can còn có quyền đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng (Điều 49). Ngoài các quyền giống như bị can, bị cáo còn có quyền tham gia phiên tòa, đề nghị thay đổi người tiến hành tố tụng, được trình bày ý kiến và tham gia tranh luận tại phiên tòa (Điều 50).

Tuy nhiên, để bảo đảm tốt hơn quyền nhờ luật sư hoặc người khác bào chữa, nhất là quyền tự bào chữa của người bị buộc tội, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định quyền của người bị buộc tội được nhận đầy đủ các lệnh, quyết định tố tụng; quyền không buộc phải đưa ra lời khai chống lại chính mình hoặc buộc phải nhận mình có tội bên cạnh quyền trình bày lời khai, trình bày ý kiến như hiện nay; đưa ra chứng cứ bên cạnh việc đưa ra tài liệu, đồ vật, yêu cầu như hiện nay; Trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá (các điều 58, 59, 60, 61). Ngoài ra, Bộ luật bổ sung cho bị can quyền đọc, ghi chép bản sao tài liệu hoặc tài liệu được số hóa liên quan đến việc buộc tội, gỡ tội hoặc bản sao tài liệu khác liên quan đến việc bào chữa kể từ khi kết thúc điều tra khi có yêu cầu; đề nghị giám định, định giá tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật (Điều 60). Bộ luật bổ sung cho bị cáo quyền đề nghị giám định, định giá

tài sản; đề nghị thay đổi người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người giám định, người định giá tài sản, người phiên dịch, người dịch thuật; đề nghị triệu tập người làm chứng, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, người giám định, người định giá tài sản, người tham gia tố tụng khác và người có thẩm quyền tiến hành tố tụng tham gia phiên tòa; đề nghị chủ tọa phiên tòa hỏi hoặc tự mình hỏi người tham gia phiên tòa nếu được chủ tọa đồng ý thay vì chỉ có quyền đề nghị hỏi như hiện nay (Điều 61). Các quy định này có ý nghĩa rất quan trọng nhằm bảo đảm quyền tự bào chữa, bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa của bị can, bị cáo.

Để bảo đảm quyền bào chữa, tăng cường hơn nữa trách nhiệm của Nhà nước trong việc bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo, Điều 72 Bộ luật mở rộng diện người bào chữa, bao gồm cả Trợ giúp viên pháp lý trong trường hợp người bị buộc tội thuộc đối tượng được trợ giúp pháp lý. Trong khi đó, thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về các chính sách xóa đói, giảm nghèo, đền ơn đáp nghĩa của dân tộc; quan điểm về quyền con người, quyền công dân; yêu cầu của Công ước quốc tế về các quyền dân sự, chính trị năm 1966 và các điều ước quốc tế liên quan khác mà Việt Nam là thành viên; bảo đảm đồng bộ với Luật Người khuyết tật năm 2010; Luật Phòng, chống mua bán người năm 2011; Luật Trẻ em năm 2016... Luật Trợ giúp pháp lý năm

2017 (Điều 7) đã sửa đổi, bổ sung, quy định cụ thể 14 diện đối tượng thuộc diện được trợ giúp pháp lý miễn phí, gồm: (1) Người có công với cách mạng; (2) Người thuộc hộ nghèo; (3) Trẻ em; (4) Người dân tộc thiểu số cư trú ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn; (5) Người bị buộc tội từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi; (6) Người bị buộc tội thuộc hộ cận nghèo; (7) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ, chồng, con của liệt sĩ và người có công nuôi dưỡng khi liệt sĩ còn nhỏ có khó khăn về tài chính; (8) Người nhiễm chất độc da cam có khó khăn về tài chính; (9) Người cao tuổi có khó khăn về tài chính; (10) Người khuyết tật có khó khăn về tài chính; (11) Người từ đủ 16 tuổi đến dưới 18 tuổi là bị hại trong vụ án hình sự có khó khăn về tài chính; (12) Nạn nhân trong vụ việc bạo lực gia đình có khó khăn về tài chính; (13) Nạn nhân của hành vi mua bán người theo quy định của Luật Phòng, chống mua bán người có khó khăn về tài chính; (14) Người nhiễm HIV có khó khăn về tài chính.

Để bảo đảm quyền Hiến định, tạo thuận lợi về thủ tục và bảo đảm cho người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam được tiếp cận với người bào chữa, Bộ luật bổ sung quy định người thân thích của người bị buộc tội có quyền lựa chọn người bào chữa; đồng thời, quy định rõ: *Trong thời hạn 12 giờ kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị bắt, bị tạm giữ thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ có trách*

nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trường hợp người bị bắt, người bị tạm giữ không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị bắt, bị tạm giữ phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa. Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi nhận được đơn yêu cầu người bào chữa của người bị tạm giam thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị tạm giam có trách nhiệm chuyển đơn này cho người bào chữa, người đại diện hoặc người thân thích của họ. Trường hợp người bị tạm giam không nêu đích danh người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền đang quản lý người bị tạm giam phải chuyển đơn này cho người đại diện hoặc người thân thích của họ để những người này nhờ người bào chữa. Trường hợp người đại diện hoặc người thân thích của người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam có đơn yêu cầu nhờ người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền có trách nhiệm thông báo ngay cho người bị bắt, người bị tạm giữ, người bị tạm giam để có ý kiến về việc nhờ người bào chữa (Điều 75).

Với nhận thức rằng, việc buộc tội càng cao thì sự bào chữa càng phải lớn, tội phạm càng nghiêm trọng, càng phải coi trọng việc bào chữa, đồng thời bảo đảm phù hợp với điều kiện thực tiễn của Việt Nam, BLTTHS năm 2015 mở rộng trường hợp chỉ định người bào chữa, theo đó nếu người bị buộc tội, người đại diện hoặc người thân thích của họ không mời người bào chữa thì cơ quan có thẩm quyền tiến

hành tố tụng phải chỉ định người bào chữa cho bị can, bị cáo về tội mà Bộ luật hình sự quy định mức cao nhất của khung hình phạt là 20 năm tù, tù chung thân, tử hình (Điều 76) thay vì chỉ quy định bắt buộc phải chỉ định người bào chữa khi mức cao nhất của khung hình phạt là tử hình như Điều 57 BLTTHS năm 2003.

3. Quy định đầy đủ các quyền và cơ chế bảo đảm các quyền của người bào chữa, tạo sự bình đẳng và các điều kiện thuận lợi cho người bào chữa tham gia các hoạt động tố tụng hình sự

Để bảo vệ tốt hơn, đầy đủ hơn các quyền và lợi ích hợp pháp của người bị buộc tội, BLTTHS năm 2015 của Việt Nam bổ sung một số quyền cho người bào chữa, bao gồm: có mặt khi lấy lời khai của người bị bắt; sau mỗi lần lấy lời khai, hỏi cung của người có thẩm quyền kết thúc thì có thể hỏi người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, thay vì chỉ được hỏi nếu Điều tra viên đồng ý như hiện nay; quy định rõ có quyền có mặt trong hoạt động đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói và hoạt động điều tra khác (kê biên tài sản, khám người, khám xét chỗ ở, chỗ làm việc...); đề nghị thay đổi, hủy bỏ biện pháp ngăn chặn, biện pháp cưỡng chế; đề nghị tiến hành một số hoạt động tố tụng để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người mình bào chữa; đề nghị triệu tập người làm chứng, người tham gia tố tụng khác, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng; thu thập, đưa ra chứng cứ; kiểm tra, đánh giá và trình bày ý kiến về chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan và yêu cầu người có thẩm

quyền tiến hành tố tụng kiểm tra, đánh giá. Trường hợp người bào chữa không thể thu thập được chứng cứ thì có thể đề nghị cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng thu thập chứng cứ, giám định bổ sung, giám định lại, định giá lại tài sản (Điều 73).

Nhằm bảo đảm tính minh bạch của pháp luật, tránh nhận thức không chính xác rằng người bào chữa tham gia tố tụng hoàn toàn phụ thuộc vào sự chấp thuận hay không của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, Điều 78 Bộ luật thay quy định “Giấy chứng nhận người bào chữa” bằng việc “đăng ký bào chữa”. Đồng thời, bổ sung quy định: *khi đăng ký bào chữa, người bào chữa phải xuất trình các giấy tờ: (a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và giấy yêu cầu luật sư của người bị buộc tội hoặc của người đại diện, người thân thích của người bị buộc tội; (b) Người đại diện của người bị buộc tội xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và giấy tờ có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền về mối quan hệ của họ với người bị buộc tội; (c) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; (d) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của tổ chức thực hiện trợ giúp pháp lý và Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực.*

Trường hợp chỉ định người bào chữa thì người bào chữa xuất trình các giấy tờ: (a) Luật sư xuất trình Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử luật sư của tổ chức hành nghề luật sư nơi luật sư đó hành nghề hoặc văn bản phân công của Đoàn luật sư đối với luật sư hành nghề là cá nhân; (b) Bào chữa viên nhân dân xuất trình Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử bào chữa viên nhân dân của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận; (c) Trợ giúp viên pháp lý, luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý xuất trình Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Thẻ luật sư kèm theo bản sao có chứng thực và văn bản cử người thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước.

Điều 78 BLTTHS năm 2015 quy định thời gian vào sổ đăng ký bào chữa, gửi văn bản thông báo người bào chữa cho người đăng ký bào chữa, cơ sở giam giữ rất ngắn, chỉ là 24 giờ, kể từ khi nhận được đủ giấy tờ nêu trên, tạo điều kiện cho người bào chữa nhanh chóng tham gia vào quá trình giải quyết vụ án, thực hiện việc bào chữa, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bị can, bị cáo. Quy định rõ văn bản thông báo người bào chữa có giá trị sử dụng trong suốt quá trình tham gia tố tụng, trừ các trường hợp người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa; người đại diện hoặc người thân thích của người bị buộc tội từ chối hoặc đề nghị thay đổi người bào chữa.

Nhằm tạo điều kiện cho người bào chữa được được gặp bị can, bị cáo đang

bị tạm giam, tiếp cận ngay từ đầu với các chứng cứ buộc tội, gỡ tội có trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa, BLTTHS năm 2015 quy định rõ trình tự, thủ tục để người bào chữa được được gặp bị can, bị cáo đang bị tạm giam. Cụ thể là để gặp người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam, người bào chữa phải xuất trình văn bản thông báo người bào chữa, Thẻ luật sư hoặc Thẻ trợ giúp viên pháp lý hoặc Chứng minh nhân dân hoặc thẻ Căn cước công dân. Cơ quan quản lý người bị bắt, người bị tạm giữ, bị can, bị cáo đang bị tạm giam phải phổ biến nội quy, quy chế của cơ sở giam giữ và yêu cầu người bào chữa chấp hành nghiêm chỉnh. Trường hợp phát hiện người bào chữa vi phạm quy định về việc gặp thì phải dừng ngay việc gặp và lập biên bản, báo cáo người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật (Điều 80); bổ sung quy định về trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng về việc bố trí thời gian, địa điểm để người bào chữa đọc, ghi chép, sao chụp tài liệu trong hồ sơ vụ án sau khi kết thúc điều tra khi người bào chữa có yêu cầu (Điều 81).

BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định cách thức người bào chữa thu thập chứng cứ, theo đó để thu thập chứng cứ, người bào chữa có quyền gặp người mà mình bào chữa, bị hại, người làm chứng và những người khác biết về vụ án để hỏi, nghe họ trình bày về những vấn đề liên quan đến vụ án; đề nghị cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu, đồ vật, dữ liệu

điện tử liên quan đến việc bào chữa (Điều 88). Đồng thời, Bộ luật tiếp tục quy định tùy từng giai đoạn tố tụng, khi thu thập được chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến việc bào chữa, người bào chữa phải kịp thời giao cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng để đưa vào hồ sơ vụ án (Điều 81). Quy định này phù hợp với mô hình tố tụng hình sự thẩm vấn, đề cao tranh tụng ở nước ta trong giai đoạn hiện nay.

4. Quy định đầy đủ nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Viện kiểm sát, Kiểm sát viên và các trình tự, thủ tục trong giai đoạn điều tra, truy tố để bảo đảm việc buộc tội, tranh tụng tại phiên tòa

Nhằm thực hiện chủ trương “tăng cường trách nhiệm công tố trong hoạt động điều tra, gắn công tố với hoạt động điều tra” trong Nghị quyết số 49/NQ-TW ngày 02/6/2005 của Bộ Chính trị về Chiến lược cải cách tư pháp đến năm 2020 và Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XII của Đảng, thực hiện tốt phương châm: Công tố sớm hơn, chủ động hơn, trách nhiệm hơn trong quá trình điều tra, thu thập chứng cứ, làm căn cứ cho việc buộc tội, tranh tụng tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 đã có nhiều đổi mới như quy định Viện kiểm sát, Kiểm sát viên phải thực hành quyền công tố ngay từ khi Cơ quan điều tra tiếp nhận, giải quyết nguồn tin về tội phạm; trực tiếp giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm, kiến nghị khởi tố trong một số trường hợp (Điều 145); có quyền yêu cầu Cơ quan điều tra bổ sung chứng cứ, tài liệu làm căn cứ để quyết định việc phê chuẩn các lệnh, quyết định (Điều 179); trực

tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra trong trường hợp cần thiết. Ngoài các hoạt động khám nghiệm hiện trường, khám nghiệm tử thi bắt buộc phải có mặt, BLTTHS năm 2015 bổ sung trách nhiệm của Kiểm sát viên phải có mặt khi Cơ quan điều tra tiến hành 05 hoạt động điều tra khác, gồm: đối chất, nhận dạng, nhận biết giọng nói, khám xét và thực nghiệm điều tra (các điều 189, 190, 191, 193 và 204).

Trong giai đoạn truy tố, BLTTHS năm 2015 quy định cụ thể nhiệm vụ của Viện kiểm sát để thực hiện chức năng thực hành quyền công tố như yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp tài liệu liên quan đến vụ án trong trường hợp cần thiết; trực tiếp tiến hành một số hoạt động điều tra nhằm kiểm tra, bổ sung tài liệu, chứng cứ để quyết định việc truy tố (Điều 236). Đồng thời, quy định rõ trách nhiệm của Cơ quan điều tra thực hiện đầy đủ yêu cầu nêu trong quyết định trả hồ sơ yêu cầu điều tra bổ sung của Viện kiểm sát (Điều 245). Việc bổ sung các quy định này có ý nghĩa rất quan trọng để Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thu thập, củng cố đầy đủ các chứng cứ, tài liệu, tạo cơ sở, căn cứ vững chắc cho việc truy tố, buộc tội và tranh tụng tại phiên tòa.

5. Quy định rõ trách nhiệm của Tòa án và các thủ tục tố tụng tại phiên tòa để bảo đảm việc tranh tụng trong xét xử

Thứ nhất, nhằm nâng cao chất lượng tranh tụng tại các phiên tòa theo tinh thần cải cách tư pháp, BLTTHS năm 2015 bổ sung một điều luật về giải

quyết yêu cầu, đề nghị trước khi mở phiên tòa (Điều 279), trong đó quy định rõ trách nhiệm của Tòa án đối với việc giải quyết yêu cầu của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng về việc cung cấp, bổ sung chứng cứ; triệu tập người làm chứng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng khác đến phiên tòa.

Thứ hai, nhằm khắc phục tình trạng chất lượng tranh tụng còn hạn chế ở một số phiên tòa có đông bị cáo, có nhiều luật sư tham gia, do BLTTHS năm 2003 chỉ cho phép tối đa hai Kiểm sát viên tham gia (Điều 189), BLTTHS năm 2015 sửa đổi theo hướng *Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp phải có mặt để thực hành quyền công tố, kiểm sát xét xử tại phiên tòa. Đối với vụ án có tính chất nghiêm trọng, phức tạp thì có thể có nhiều Kiểm sát viên*. Số lượng cụ thể Kiểm sát viên do Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp quyết định, trên cơ sở căn cứ vào tính chất, đặc điểm của từng vụ án (Điều 289).

Thứ ba, để đảm bảo quyền bào chữa của bị cáo, đồng thời nhấn mạnh đến việc tôn trọng ý chí của bị cáo trong trường hợp bị cáo nhận thấy sự vắng mặt của người bào chữa không ảnh hưởng đến quyền tự bào chữa và khắc phục tình trạng phải hoãn phiên tòa nhiều lần do vắng mặt người bào chữa như hiện nay, BLTTHS năm 2015 sửa đổi quy định về sự có mặt của người bào chữa theo hướng *trường hợp người bào chữa vắng mặt lần thứ nhất vì lý do bất khả kháng hoặc do trở ngại khách quan thì Tòa án phải hoãn phiên tòa, trừ trường hợp*

bị cáo đồng ý xét xử vắng mặt người bào chữa. Nếu người bào chữa vắng mặt không vì lý do bất khả kháng hoặc không do trở ngại khách quan hoặc được triệu tập hợp lệ lần thứ hai mà vẫn vắng mặt thì Tòa án vẫn mở phiên tòa xét xử (Điều 291).

Thứ tư, khắc phục tình trạng trong thực tế trong nhiều phiên tòa, bị cáo không nhận tội và cho rằng việc khai nhận tại Cơ quan điều tra là do bị ép, bức cung, bảo đảm thống nhất với quy định của Luật tổ chức Tòa án nhân dân năm 2014, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định sự có mặt của Điều tra viên tại phiên tòa với tư cách là người đã điều tra vụ án (Điều 296) để góp phần làm rõ những chứng cứ hoặc những vấn đề có liên quan đến vụ án, làm rõ trách nhiệm của Điều tra viên, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, bảo đảm các chứng cứ được đưa ra có tính thuyết phục cao hơn, có cơ sở chắc chắn xử lý đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Ngoài ra, Bộ luật còn bổ sung quy định về sự có mặt của người định giá tài sản (Điều 294) để trình bày các vấn đề liên quan đến việc định giá; và bổ sung quy định về sự có mặt của người phiên dịch, người dịch thuật (Điều 295).

Thứ năm, để bảo đảm sự độc lập của Tòa án trong xét xử, bảo đảm phán quyết của Tòa án phải trên cơ sở kết quả xét hỏi, tranh tụng và những chứng cứ đã được kiểm tra công khai tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về giới hạn của việc xét xử trường hợp xét thấy cần xét xử bị cáo về tội danh khác

nặng hơn tội danh mà Viện kiểm sát đã truy tố thì Tòa án trả hồ sơ để Viện kiểm sát truy tố lại và thông báo rõ lý do cho bị cáo hoặc người đại diện của bị cáo, người bào chữa biết; nếu Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên tội danh đã truy tố thì Tòa án có quyền xét xử bị cáo về tội danh nặng hơn đó (Điều 298) nhưng quá trình xét xử phải bảo đảm quyền bào chữa của bị cáo và tuân thủ các quy định khác của Bộ luật.

Thứ sáu, nhằm cụ thể hóa nguyên tắc tranh tụng trong xét xử, bảo đảm việc tranh tụng không chỉ thể hiện ở phần tranh luận mà còn được thể hiện ngay trong phần xét hỏi, BLTTHS năm 2015 đã nhập thủ tục xét hỏi tại phiên tòa với thủ tục tranh luận tại phiên tòa (Chương XX và Chương XXI của BLTTHS năm 2003) thành “Thủ tục tranh tụng tại phiên tòa” (Mục V Chương XXI – Xét xử sơ thẩm), coi đây là nội dung cốt lõi thể hiện nguyên tắc tranh tụng trong xét xử được bảo đảm theo tinh thần Hiến pháp năm 2013.

Thứ bảy, đổi mới trình tự xét hỏi tại phiên tòa nhằm tăng cường trách nhiệm, sự chủ động của các chủ thể tố tụng. Theo đó, để thể hiện việc tranh tụng được thực hiện ngay trong phần xét hỏi tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 sửa đổi, bổ sung theo hướng Hội đồng xét xử phải xác định đầy đủ những tình tiết về từng sự việc, từng tội trong vụ án và từng người. Chủ tọa phiên tòa điều hành việc hỏi, quyết định người hỏi trước, hỏi sau theo thứ tự hợp lý. Khi xét hỏi từng người, Chủ tọa phiên tòa

hỏi trước sau đó quyết định để Thẩm phán, Hội thẩm, Kiểm sát viên, người bào chữa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự thực hiện việc hỏi (Điều 307). Đồng thời, Bộ luật còn bổ sung quy định khi được Chủ tọa phiên tòa đồng ý, bị cáo được đặt câu hỏi với bị cáo khác, hỏi người làm chứng, hỏi bị hại, đương sự hoặc người đại diện của họ về các vấn đề có liên quan đến bị cáo (các điều 309, 310 và 311). Sửa đổi theo hướng này để tạo ra một cơ chế thực sự dân chủ và bình đẳng tại phiên tòa, tạo điều kiện để thực hiện một cách có hiệu quả nhất quyền buộc tội và gỡ tội tại phiên tòa. Thẩm phán chủ tọa phiên tòa có thể yêu cầu người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp hỏi bị hại, người làm chứng. Ngoài ra, để phục vụ cho việc tranh tụng, làm sáng rõ các tình tiết của vụ án tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định về việc sử dụng các phương tiện khoa học kỹ thuật tại phiên tòa, cụ thể là *trường hợp cần kiểm tra chứng cứ, tài liệu, đồ vật liên quan đến vụ án hoặc khi bị cáo tố cáo bị bức cung, dùng nhục hình, Hội đồng xét xử quyết định việc cho nghe, xem nội dung được ghi âm hoặc ghi hình có âm thanh liên quan tại phiên tòa (Điều 313); trường hợp cần thiết, Tòa án quyết định hỏi người làm chứng qua mạng máy tính, mạng viễn thông (Điều 311).*

Thứ tám, để có cơ sở tranh luận dân chủ tại phiên tòa, BLTTHS năm 2015 bổ sung quy định nội dung luận tội của Kiểm sát viên phải phân tích, đánh giá khách quan, toàn diện, đầy đủ những

chứng cứ xác định có tội, chứng cứ xác định vô tội; tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội; hậu quả do hành vi phạm tội gây ra; nhân thân và vai trò của bị cáo trong vụ án; tội danh, hình phạt, áp dụng điểm, khoản, điều của Bộ luật hình sự, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; mức bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng, biện pháp tư pháp; nguyên nhân, điều kiện phạm tội và những tình tiết khác có ý nghĩa đối với vụ án. Đề nghị kết tội bị cáo theo toàn bộ hay một phần nội dung bản cáo trạng hoặc kết luận về tội nhẹ hơn; đề nghị mức hình phạt chính, hình phạt bổ sung, biện pháp tư pháp, trách nhiệm bồi thường thiệt hại, xử lý vật chứng. Kiến nghị các biện pháp phòng ngừa tội phạm và vi phạm pháp luật (Điều 321) và nhấn mạnh trách nhiệm của Kiểm sát viên là phải đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận để đối đáp đến cùng từng ý kiến của bị cáo, người bào chữa, người tham gia tố tụng khác tại phiên tòa. Đồng thời, bổ sung trách nhiệm của Hội đồng xét xử là phải lắng nghe, ghi nhận đầy đủ ý kiến của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, người tham gia tranh luận tại phiên tòa để đánh giá khách quan, toàn diện sự thật của vụ án. Trường hợp không chấp nhận ý kiến của những người tham gia phiên tòa thì Hội đồng xét xử phải nêu rõ lý do và được ghi trong bản án (Điều 322). Đồng thời, bổ sung quy định: trong nội dung bản án phải phân tích lý do mà Hội đồng xét xử không chấp nhận những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên,

bị cáo, người bào chữa và những người tham gia tố tụng (Điều 260). Đây là bổ sung rất quan trọng, thể hiện sự khách quan và tinh thần trách nhiệm đầy đủ của Tòa án khi phán quyết số phận pháp lý của bị cáo.

Thứ chín, BLTTHS năm 2015 quy định rõ bản án phải căn cứ vào kết quả thẩm vấn, tranh tụng và những chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, theo đó bổ sung yêu cầu đối với bản án sơ thẩm là phải rõ ý kiến của người bào chữa, bị hại, đương sự, người khác tham gia phiên tòa được Tòa án triệu tập; phân tích lý do mà Hội đồng xét xử không chấp nhận những chứng cứ buộc tội, chứng cứ gỡ tội, yêu cầu, đề nghị của Kiểm sát viên, bị cáo, người bào chữa, bị hại, đương sự và người đại diện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của họ đưa ra; phân tích tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên, người bào chữa trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử (Điều 260).

Thứ mười, không chỉ bảo đảm tranh tụng ở giai đoạn xét xử sơ thẩm vụ án hình sự, BLTTHS năm 2015 có những nội dung sửa đổi, bổ sung để bảo đảm tranh tụng ở cả giai đoạn xét xử phúc thẩm. Cụ thể, ngoài quy định *thủ tục bắt đầu phiên tòa và thủ tục tranh tụng tại phiên tòa phúc thẩm* được tiến hành như phiên tòa sơ thẩm, Bộ luật còn bổ sung quy định *Chủ tọa phiên tòa hỏi người kháng cáo có thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu Kiểm sát viên trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng cáo. Chủ tọa phiên tòa*

hỏi Kiểm sát viên có thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị hay không; nếu có thì chủ tọa phiên tòa yêu cầu bị cáo và những người liên quan đến kháng nghị trình bày ý kiến về việc thay đổi, bổ sung, rút kháng nghị. Khi tranh tụng tại phiên tòa, Kiểm sát viên, người khác liên quan đến kháng cáo, kháng nghị phát biểu ý kiến về nội dung kháng cáo, kháng nghị.

Có thể nói, với việc Hiến định nguyên tắc *“tranh tụng trong xét xử được bảo đảm”* và việc cụ thể hóa nội dung nguyên tắc này trong các thủ tục tố tụng đã phản ánh bước tiến của nền tư pháp Việt Nam, tạo sự chuyển biến về chất, có tính quyết định đối với hiệu quả hoạt động tố tụng hình sự, mở rộng và tăng cường tính dân chủ, công khai, công bằng trong quá trình giải quyết vụ án hình sự; bảo đảm ngày càng tốt hơn quyền con người, quyền công dân, tạo ra các khả năng và điều kiện tốt nhất để người bị buộc tội thực hiện quyền tự bào chữa, bình đẳng trong việc đưa ra chứng cứ, tranh tụng tại phiên tòa của bị can, bị cáo, bảo đảm quá trình giải quyết vụ án được khách quan, toàn diện, triệt để, vô tư, giải quyết vụ án được đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ của tố tụng hình sự trong tình hình mới./.

¹ Nội dung bài viết đã được Tiến sĩ Trần Công Phàn, Phó Viện trưởng VKSNDTC thuyết trình và trao đổi trong chương trình trao đổi chuyên gia cao cấp tại Nhật Bản từ ngày 12/3 đến ngày 17/3/2018 tại trụ sở Viện Nghiên cứu phòng ngừa tội phạm và xử lý người phạm tội khu vực Châu Á - Viễn Đông của Liên Hợp quốc (UNAFEI) với sự tham dự của công tố viên, các chuyên gia, nhà nghiên cứu của các cơ quan tư pháp, của tổ chức UNAFEI và JICA Nhật Bản.